

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

Công ty Thành viên của Reanda International

Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.

Chi nhánh Đà Nẵng: 63/5 Trần Quốc Toàn, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Đà Nẵng

Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90

Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com



Mang tri thức phục vụ khách hàng

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
(**VIETVALUES**)

Công ty Thành viên của Reanda International

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	07 - 08
4. Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	11 - 36

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi cổ phần hóa theo Quyết định số 9594/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND Thành phố Đà Nẵng từ Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Đà Nẵng. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400228640 ngày 01/10/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 57.736.000.000 đồng

Vốn góp thực tế tính đến ngày 31/12/2017: 57.736.000.000 đồng

2. Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Điện thoại : (84) 0236- 3622 007
- Fax : (84) 0236- 3642 423

3. Ngành nghề kinh doanh

- Thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp, chất thải hàng hải, chất thải nguy hại, phế thải xây dựng và hầm cầu;
- Cung cấp dịch vụ vệ sinh công cộng, vỉa hè, đường phố, cống rãnh, ao hồ, đầm, trên sông, ven biển và bờ biển;
- Xử lý ô nhiễm môi trường các hệ thống sông, hồ, đầm ao, vịnh biển và bờ biển;
- Xử lý các loại nước thải, nước nhiễm bẩn, nhiễm dầu;
- Xây dựng, sửa chữa, nạo vét mương cống, công trình xử lý nước thải và tháo dỡ công trình xây dựng;
- Tư vấn lập các hồ sơ, thủ tục dự án trong lĩnh vực môi trường và tư vấn chuyển giao công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh;
- Tư vấn thiết kế, xây dựng và đầu tư xây dựng các công trình xử lý chất thải, xử lý môi trường;
- Sản xuất và cung ứng các sản phẩm hóa sinh, vi sinh trong xử lý môi trường;
- Chăn nuôi, trồng trọt và nuôi trồng thủy sản;
- Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị, hóa chất, vi sinh và các trang thiết bị liên quan đến lĩnh vực xử lý môi trường.



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm bao gồm:

4.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Hùng	Chủ tịch	01/10/2015	
Ông Đặng Đức Vũ	Thành viên	01/10/2015	
Ông Võ Minh Đức	Thành viên	01/10/2015	
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên	01/10/2015	
Ông Phạm Trung Thành	Thành viên	01/10/2015	

4.2. Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trương Thị Minh Huệ	Trưởng ban	01/10/2015	
Bà Võ Thị Huỳnh Trang	Thành viên	01/10/2015	
Bà Đặng Thị Mỹ Hào	Thành viên	01/10/2015	

4.3. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đặng Đức Vũ	Tổng Giám đốc	02/10/2015	
Ông Võ Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc	02/10/2015	
Ông Phạm Quang Sáng	Phó Tổng Giám đốc	25/01/2016	
Ông Trần Văn Tiên	Phó Tổng Giám đốc	25/01/2016	
Ông Đỗ Văn Tài	Kế toán trưởng	02/10/2015	

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đặng Đức Vũ	Tổng Giám đốc

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 36.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ngày 14/05/2018, Công ty nhận được Thông báo số 81/TB-VP của Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng về Kết luận của Phó Chủ tịch UBND Thành Phố Trần Văn Miên tại cuộc họp về ý kiến đối với các nội dung họp Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng. Theo đó Công ty phải điều chỉnh hồi tố số liệu so sánh (số

28/12/17
CHÍNH
ĐỒNG
H TOÁN
HU
E
ÁI CH

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

liệu năm 2016) cụ thể: điều chỉnh giảm doanh thu theo Kết luận của Kiểm toán Nhà nước và giảm chi phí tương ứng; đồng thời giảm chi phí dịch vụ thanh toán cho các xí nghiệp theo kết quả kiểm tra của Ban Kiểm soát Công ty.

8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty. Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Công ty



ĐẶNG ĐỨC VŨ
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 5 năm 2018

011
HÀNH
TY TNHH
MÔI TRƯỜNG
ĐÔ THỊ
ĐÀ NẴNG
AU-T



Số: 25/2018/BCKT/AUD-DNVVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 21 tháng 05 năm 2018, từ trang 07 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số V.13 “Phải trả người lao động”, Công ty trích vượt chi phí tiền lương năm 2017 so với quy định về cách tính Quỹ tiền lương người lao động theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động Thương binh và xã hội với số tiền là 1.087.000.000 đồng. Nếu hạch toán giảm chi phí tiền lương này thì Lợi nhuận trước thuế năm 2017 của Công ty sẽ là 9.376.983.318 đồng chứ không phải là 8.289.983.318 đồng như đã trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài

11/05/2018

chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

- Theo Thuyết minh V.16, các khoản chi của Quỹ khen thưởng phúc lợi thuộc giai đoạn nhà nước chi vượt và đang trình bày số âm trên báo cáo tài chính này là 4.155.330.823 đồng chưa được quyết toán và xử lý, vẫn còn ảnh hưởng trên Bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 01/10/2015 và ngày 31/12/2017. Vấn đề này còn tùy thuộc vào sự quyết định của các cấp có thẩm quyền và việc trình bày như trên là chưa phù hợp với Chế độ kế toán hiện hành. Ngoài ra Quỹ khen thưởng phúc lợi thuộc giai đoạn Công ty Cổ phần lũy kế đến 31/12/2017 đã chi vượt số tiền là 2.969.620.272 đồng. Việc chi tiêu như vậy là không phù hợp với tình hình tài chính của Công ty.
- Chúng tôi lưu ý người đọc đến Mục I.5 tại Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đã chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/10/2015. Tuy nhiên, đến thời điểm này Công ty vẫn chưa tiến hành bàn giao số liệu giữa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng và Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán này là thay thế cho Báo cáo kiểm toán số 14/2018/BCKT/AUD-DNVVAUES ngày 17 tháng 03 năm 2018, đã được phát hành bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng. Theo ý kiến chỉ đạo tại Thông báo số 81/TB-VP của Văn phòng Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng ngày 14 tháng 05 năm 2018 về Kết luận của Phó Chủ tịch UBND Thành Phố Trần Văn Miên tại cuộc họp về ý kiến đối với các nội dung họp Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, cũng như điều chỉnh doanh thu một số hoạt động của công ty trong năm 2016 của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng, nên công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh năm trước (năm 2016) và số liệu năm 2017 (do ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố) trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017. Việc điều chỉnh này ảnh hưởng đến một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh so với Báo cáo tài chính phát hành ngày 17 tháng 03 năm 2018 (thuyết minh VII.2).

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 5 năm 2018

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - VIETVALUES



Lê Thị Thanh Kim - Giám đốc Chi nhánh

Giấy CNDKHN số: 2896-2016-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Hoàng Thái Tân - Kiểm toán viên

Giấy CNDKHN số: 2817-2014-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		65.516.596.858	89.405.513.626
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	30.490.488.304	52.688.940.633
111	1. Tiền		30.490.488.304	52.688.940.633
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		30.852.354.126	33.972.434.972
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	21.631.149.678	22.528.866.663
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	1.604.389.500	1.940.304.300
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
136	5. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	7.612.815.948	9.499.265.009
137	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	-
139	7. Tài sản thiếu chờ xử lý		3.999.000	3.999.000
140	IV. Hàng tồn kho		2.831.058.495	1.097.532.458
141	1. Hàng tồn kho	V.5	2.831.058.495	1.097.532.458
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.342.695.933	1.646.605.563
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.6a	1.332.014.243	1.646.605.563
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.12	10.681.690	-
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		73.434.225.509	77.378.407.492
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		64.120.292.803	69.923.045.085
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	64.088.990.570	69.876.392.188
222	- Nguyên giá		151.406.180.208	146.214.808.968
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(87.317.189.638)	(76.338.416.780)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.8	31.302.233	46.652.897
228	- Nguyên giá		123.000.000	123.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(91.697.767)	(76.347.103)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		266.104.345	219.002.873
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.9	266.104.345	219.002.873
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		9.047.828.361	7.236.359.534
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.6b	9.047.828.361	7.236.359.534
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		138.950.822.367	166.783.921.118

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		62.921.713.039	98.302.504.095
310	I. Nợ ngắn hạn		62.921.713.039	98.302.504.095
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.10	2.518.255.032	1.571.299.365
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.11	274.405.250	358.949.400
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	3.277.853.378	3.000.421.699
314	4. Phải trả người lao động	V.13	5.617.259.839	16.216.687.226
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.14	6.127.139.645	8.153.271.348
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		-	-
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	-
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.15	52.231.750.990	73.574.801.152
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		-	-
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.16	(7.124.951.095)	(4.572.926.095)
323	13. Quỹ bình ổn giá		-	-
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		76.029.109.328	68.481.417.023
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.17	75.647.209.328	68.287.517.023
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		57.736.000.000	57.736.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		57.736.000.000	57.736.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		111.896.964	111.896.964
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		309.406.487	309.406.487
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		154.703.244	154.703.244
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		17.335.202.633	9.975.510.328
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		9.975.510.328	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		7.359.692.305	9.975.510.328
422	12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		381.900.000	193.900.000
431	1. Nguồn kinh phí	V.18	381.900.000	193.900.000
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		138.950.822.367	166.783.921.118

Người lập biểu



HUỲNH DUY HẢI

Kế toán trưởng



ĐỖ VĂN TÀI

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 05 năm 2018

Tổng Giám Đốc



ĐẶNG ĐỨC VŨ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	212.356.946.515	197.698.532.563
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		212.356.946.515	197.698.532.563
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	193.811.351.445	176.198.604.586
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		18.545.595.070	21.499.927.977
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	88.860.570	756.974.173
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	VI.4	33.731.001	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	10.581.975.744	10.945.596.810
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		8.018.748.895	11.311.305.340
31	11. Thu nhập khác	VI.6	613.596.267	36.620.905
32	12. Chi phí khác	VI.7	342.361.844	21.488.601
40	13. Lợi nhuận khác		271.234.423	15.132.304
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.289.983.318	11.326.437.644
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.12	930.291.013	1.270.267.382
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		7.359.692.305	10.056.170.262
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.8	1.275	1.728
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.9	1.275	1.728

Người lập biểu



HUỲNH DUY HẢI

Kế toán trưởng



ĐỖ VĂN TÀI

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 05 năm 2018

Tổng Giám Đốc



ĐẶNG ĐỨC VŨ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		233.935.430.975	204.568.507.309
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(100.600.917.450)	(89.536.927.006)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(94.186.838.844)	(66.586.213.261)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		-	-
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(989.369.890)	(997.610.278)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		19.861.056.819	17.229.079.969
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(74.678.103.772)	(54.460.182.016)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(16.658.742.162)	10.216.654.717
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(5.628.114.737)	(9.855.953.006)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		-	(20.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	20.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		88.860.570	756.974.173
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(5.539.254.167)	(9.098.978.833)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả gốc nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(456.000)	(2.211.362.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(456.000)	(2.211.362.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		(22.198.452.329)	(1.093.686.116)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		52.688.940.633	53.782.626.749
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	30.490.488.304	52.688.940.633

Người lập biểu



HUỲNH DUY HẢI

Kế toán trưởng



ĐỖ VĂN TÀI

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 05 năm 2018

Tổng Giám Đốc



ĐẶNG ĐỨC VŨ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được chuyển đổi cổ phần hóa theo Quyết định số 9594/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND Thành phố Đà Nẵng từ Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Đà Nẵng. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400228640 ngày 01/10/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: sản xuất, kinh doanh dịch vụ,...

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp, chất thải hàng hải, chất thải nguy hại, phế thải xây dựng và hầm cầu;
- Cung cấp dịch vụ vệ sinh công cộng, vỉa hè, đường phố, cống rãnh, ao hồ, đầm, trên sông, ven biển và bờ biển;
- Xử lý ô nhiễm môi trường các hệ thống sông, hồ, đầm ao, vịnh biển và bờ biển;
- Xử lý các loại nước thải, nước nhiễm bần, nhiễm dầu;
- Xây dựng, sửa chữa, nạo vét mương cống, công trình xử lý nước thải và tháo dỡ công trình xây dựng;
- Tư vấn lập các hồ sơ, thủ tục dự án trong lĩnh vực môi trường và tư vấn chuyển giao công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh;
- Tư vấn thiết kế, xây dựng và đầu tư xây dựng các công trình xử lý chất thải, xử lý môi trường;
- Sản xuất và cung ứng các sản phẩm hóa sinh, vi sinh trong xử lý môi trường;
- Chăn nuôi, trồng trọt và nuôi trồng thủy sản;
- Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị, hóa chất, vi sinh và các trang thiết bị liên quan đến lĩnh vực xử lý môi trường,...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với các hoạt động của Công ty thường kéo dài không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Từ ngày 01/10/2015, Công ty chính thức hoạt động dưới mô hình Công ty Cổ phần với pháp nhân mới là Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện nay Công ty vẫn chưa tiến hành bàn giao chính thức tài sản và nguồn vốn từ Công ty TNHH MTV sang Công ty cổ phần.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc hạch toán chung với văn phòng Công ty

- Ban Thanh tra (Ban KCS)
- Trung tâm Tư vấn Đầu tư và Phát triển Kỹ nghệ Môi trường
- Xí nghiệp Môi trường Hoà Vang
- Xí nghiệp Môi trường Ngũ Hành Sơn
- Xí nghiệp Dịch vụ Môi trường
- Xí nghiệp Môi trường Thanh Khê 2
- Xí nghiệp Dịch vụ Môi trường Sông Biển
- Xí nghiệp QLB và xử lý CT
- Xí nghiệp Môi trường Cẩm Lệ
- Xí nghiệp Môi trường Liên Chiểu
- Xí nghiệp Môi trường Thanh Khê 1
- Xí nghiệp Môi trường Hải Châu 1
- Xí nghiệp Môi trường Hải Châu 2
- Xí nghiệp Vận chuyển
- Xí nghiệp Môi trường Sơn Trà
- Xí nghiệp Sửa chữa

7. Nhân viên

Tại ngày 31/12/2017, Công ty có 1.232 nhân viên đang làm việc (tại ngày 01/01/2017 là 1.237 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Theo đó, bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- ✓ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- ✓ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- ✓ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- ✓ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Dịch vụ hoàn thành: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp, chi phí máy thi công và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí chung liên quan đến dịch vụ đang thực hiện.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 35
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 - 10

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 8 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hằng năm.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ về môi trường đô thị

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

13. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc giảm giá vốn hàng bán.

15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính và đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - ✓ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - ✓ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Báo cáo theo bộ phận

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
- Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đơn vị tính: VNĐ)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	94.536.870	88.522.290
Tiền gửi ngân hàng (*)	30.395.951.434	52.600.418.343
Cộng	<u>30.490.488.304</u>	<u>52.688.940.633</u>

(*) Chi tiết tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2017

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT VN - CN Tân Chính	869.100	1.188.500
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT VN - CN Đà Nẵng	10.515.251.263	21.924.693.752
Ngân hàng TMCP Đông Á - PGD Hòa Cường	9.944.420.562	5.210.046.326
Ngân hàng Liên doanh Việt Nga - CN Đà Nẵng (**)	6.784.224.680	23.540.524.708
Ngân hàng TMCP ĐT&PT VN - Chi nhánh Sông Hàn	3.151.185.829	1.923.965.057
Cộng	<u>30.395.951.434</u>	<u>52.600.418.343</u>

(**) Trong đó số dư tài khoản tiền gửi số tiền 2.449.706.342 đồng tại Ngân hàng Liên doanh Việt Nga – CN Đà Nẵng là tài khoản phong tỏa phục vụ cho việc thu tiền từ cổ phần hóa, Công ty không được sử dụng số tiền này.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	21.631.149.678	22.528.866.663
- Sở Tài nguyên Môi trường TP. Đà Nẵng	10.491.820.000	18.591.060.000
- Khách hàng dịch vụ	4.988.798.678	3.844.555.663
- Khách hàng công ích	401.294.000	93.251.000
- Ban quản lý Bán đảo Sơn Trà	5.749.237.000	-
Cộng	<u>21.631.149.678</u>	<u>22.528.866.663</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	1.604.389.500	1.940.304.300
- Công ty CP Xây dựng Hân Lộc	1.023.000.000	1.188.814.800
- Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Đông Phương	-	200.000.000
- Công ty TNHH Trọng Toàn	332.700.000	200.000.000
- Các đối tượng khác	248.689.500	351.489.500
Cộng	<u>1.604.389.500</u>	<u>1.940.304.300</u>

4. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	7.456.722.628	-	9.336.389.009	-
Trung tâm Tư vấn Đầu tư và Phát triển Kỹ nghệ Môi trường	1.178.633.791	-	921.706.601	-
XN vận chuyển	35.090.000	-	176.698.839	-
XN DV Môi trường (Công nghiệp)	21.823.537	-	65.025.209	-
XN DV Môi trường (Nguy hại)	315.940.853	-	595.577.928	-
XN DV Môi trường (Trung tâm KDDV)	448.089.837	-	41.500.000	-
XN Môi trường Hải Châu 1	334.565.089	-	628.548.262	-
XN Môi trường Hải Châu 2	307.593.099	-	649.026.500	-
XN Môi trường Sông Biển	355.975.752	-	453.902.252	-
Phải thu các đơn vị trực thuộc khác	1.365.271.098	-	2.931.807.479	-
Ông Trần Văn Tiên	1.553.458.300	-	1.553.458.300	-
Ông Nguyễn Thành Sanh	988.978.897	-	988.978.897	-
Ông Phạm Phúc Ánh	3.302.098	-	3.302.098	-
Bảo hiểm XH TP Đà Nẵng	2.012.500	-	-	-
Phải thu khác	545.987.777	-	326.856.644	-
<i>Tạm ứng CBCNV</i>	156.093.320	-	162.876.000	-
Cộng	<u>7.612.815.948</u>	<u>-</u>	<u>9.499.265.009</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	709.498.113		138.262.315	-
Công cụ, dụng cụ	2.121.560.382		959.270.143	-
Cộng	2.831.058.495	-	1.097.532.458	-

Nguyên liệu, vật liệu là những nhiên liệu (xăng, dầu, nhớt,...) và vật liệu, vật tư thay thế phục vụ trong việc xử lý môi trường.

Công cụ dụng cụ là những công cụ (thùng rác, xe đẩy, găng tay su,...) phục vụ trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng chưa sử dụng trong năm.

6. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**6a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.296.158.425	1.527.068.142
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	-	42.777.657
Chi phí bảo hiểm, tiền thuê đất	35.855.818	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	76.759.764
Cộng	1.332.014.243	1.646.605.563

Tình hình biến động của chi phí trả trước ngắn hạn trong năm

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	1.646.605.563	236.372.558
Tăng trong năm	3.388.617.245	4.888.057.364
Phân bổ trong năm	(3.703.208.565)	(3.477.824.359)
Số dư cuối năm	1.332.014.243	1.646.605.563

6b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	6.910.526.287	5.203.901.016
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.615.756.275	1.612.301.014
Chi phí phân bổ khác	521.545.799	420.157.504
Cộng	9.047.828.361	7.236.359.534

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động của chi phí trả trước dài hạn trong năm

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	7.236.359.534	10.829.619.861
Tăng trong năm	8.427.949.489	7.626.533.940
Phân bổ trong năm	(6.616.480.662)	(11.219.794.267)
Số dư cuối năm	9.047.828.361	7.236.359.534

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	84.140.183.653	2.587.708.394	59.451.563.921	35.353.000	146.214.808.968
Mua trong năm	-	394.295.150	4.501.386.364	57.796.363	4.953.477.877
Đ/tư XDCB h/thành	645.826.363	-	-	-	645.826.363
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	(407.933.000)	-	-	-	(407.933.000)
Số cuối năm	84.378.077.016	2.982.003.544	63.952.950.285	93.149.363	151.406.180.208
<i>Trong đó:</i>					
- Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	346.950.000	-	330.909.091	-	677.859.091
- Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	41.686.297.703	1.426.383.084	33.197.257.192	28.478.801	76.338.416.780
Khấu hao trong năm	4.966.636.685	336.525.159	5.915.081.764	15.487.380	11.233.730.988
Tăng khác	-	-	-	-	-
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	(254.958.130)	-	-	-	(254.958.130)
Số cuối năm	46.397.976.258	1.762.908.243	39.112.338.956	43.966.181	87.317.189.638
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	42.453.885.950	1.161.325.310	26.254.306.729	6.874.199	69.876.392.188
Số cuối năm	37.980.100.758	1.219.095.301	24.840.611.329	49.183.182	64.088.990.570

- ✓ Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay : 0 đồng
- ✓ Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 677.859.091 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	123.000.000	123.000.000
Tăng trong năm	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	123.000.000	123.000.000
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	76.347.103	76.347.103
Khấu hao trong năm	15.350.664	15.350.664
Tăng khác	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	91.697.767	91.697.767
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	46.652.897	46.652.897
Số cuối năm	31.302.233	31.302.233

9. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	4.774.212.993	4.744.558.514	563.570	29.090.909
Chi phí thẩm định 04 xe cuốn ép 9m ³	-	18.181.818	-	-	18.181.818
Chi phí mua sắm TSCĐ khác	-	4.756.031.175	4.744.558.514	563.570	10.909.091
Xây dựng cơ bản dở dang	219.002.873	702.778.744	645.826.363	38.941.818	237.013.436
- Xây dựng các công trình khác	106.336.206	645.826.363	645.826.363	38.941.818	67.394.388
- Chi phí xây dựng ISO	112.666.667	56.952.381	-	-	169.619.048
Chi phí sửa chữa tài sản	-	-	-	-	-
Cộng	219.002.873	5.476.991.737	5.390.384.877	39.505.388	266.104.345

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các người bán khác</i>	2.518.255.032	1.571.299.365
- Công ty Cổ Phần Nhựa Sài Gòn	-	269.034.128
- Công ty TNHH Thương mại Núi Thành	-	481.090.437
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Đô thị Đà Thành	-	159.007.750
- Công ty TNHH Vật tư Thiết bị Kỹ thuật Hạ tầng	-	-
- Các đối tượng phải trả khác	2.518.255.032	662.167.050
Cộng	<u>2.518.255.032</u>	<u>1.571.299.365</u>

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	274.405.250	358.949.400
- Khách hàng dịch vụ trả tiền trước	274.405.250	358.949.400
Cộng	<u>274.405.250</u>	<u>358.949.400</u>

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.080.408.850	-	14.035.683.064	13.794.812.921	2.321.278.993	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	854.056.695	-	930.291.013	829.208.923	955.138.785	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp thuộc giai đoạn Công ty Nhà nước	-	-	160.160.967	160.160.967	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	65.956.154	-	244.939.094	321.576.938	-	10.681.690
Thuế tài nguyên	-	-	8.291.200	6.855.600	1.435.600	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	448.617.527	448.617.527	-	-
Phí bảo vệ môi trường	-	-	8.742.000	8.742.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	82.311.841	82.311.841	-	-
Cộng	<u>3.000.421.699</u>	<u>-</u>	<u>15.919.036.706</u>	<u>15.652.286.717</u>	<u>3.277.853.378</u>	<u>10.681.690</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho dịch vụ phục vụ công cộng về vệ sinh, thoát nước đường phố và khu dân cư thuộc đối tượng chịu thuế suất 10%. Các dịch vụ khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các hoạt động sau:

- Đối với hoạt động kinh doanh xã hội hóa: Áp dụng thuế suất thuế TNDN là 10%.
- Đối với hoạt động kinh doanh khác: Áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.

Các loại thuế khác

- Công ty kê khai và nộp theo qui định.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được xác định như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.289.983.318	11.326.437.644
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính	7.669.234.286	10.225.135.124
- Lợi nhuận từ hoạt động khác	620.749.032	1.101.302.520
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán	392.177.780	274.933.653
- Các khoản điều chỉnh tăng	392.177.780	274.933.653
+ Chi phí không hợp lý	143.984.197	61.445.052
+ Chi thù lao HĐQT, HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	192.000.000	192.000.000
+ Các khoản phạt vi phạm hành chính	56.193.583	21.488.601
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	<u>8.682.161.098</u>	<u>11.601.371.297</u>
- Thu nhập chịu thuế hoạt động kinh doanh chính	8.061.412.066	10.500.068.777
- Thu nhập chịu thuế hoạt động kinh doanh khác	620.749.032	1.101.302.520
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	<u>8.682.161.098</u>	<u>11.601.371.297</u>
- Thu nhập tính thuế của hoạt động kinh doanh chính	8.061.412.066	10.500.068.777
- Thu nhập chịu thuế của hoạt động khác	620.749.032	1.101.302.520
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Thuế suất thuế TNDN hoạt động kinh doanh chính	10%	10%
- Thuế suất thuế TNDN hoạt động khác	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp hoạt động kinh doanh chính	806.141.207	1.050.006.878
Thuế TNDN hoạt động khác	124.149.806	220.260.504
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>930.291.013</u>	<u>1.270.267.382</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Phải trả người lao động**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	5.617.259.839	16.216.687.226
Cộng	<u>5.617.259.839</u>	<u>16.216.687.226</u>

Quỹ tiền lương cho người lao động và cán bộ quản lý được Công ty trích lập theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động Thương binh và xã hội.

Theo nội dung tại Thông báo số 512/TB-KTNN KV III ngày 12/12/2017 của Kiểm toán Nhà nước Khu vực III “Thông báo kết quả kiểm toán tại Công ty Cổ phần Môi Trường Đô thị Đà Nẵng” và Thông báo số 81/TB-VP của Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng ngày 14 tháng 05 năm 2018, Công ty đã điều chỉnh hồi tố số liệu so sánh năm trước (năm 2016) gồm giảm doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ với số tiền là 1.887.540.000 đồng và giảm giá vốn hàng bán với số tiền là 3.556.282.251 đồng dẫn đến lợi nhuận trước thuế năm 2016 tăng số tiền: 1.668.742.251 đồng. Việc điều chỉnh này ảnh hưởng đến quỹ lương thực hiện năm 2017, trong đó, Công ty đã trích vượt chi phí tiền lương năm 2017 so với quy định về cách tính Quỹ tiền lương người lao động theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH số tiền là 1.087.000.000 đồng.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí phục vụ hoạt động công ích, đặt hàng, dịch vụ	4.922.607.600	6.967.410.370
Trích trước chi phí đầu tư công trình "Tường rào, mương thoát nước tại bãi rác Khánh Sơn"	-	414.919.910
Trích trước chi phí vượt thu	1.155.032.045	770.941.068
Trích trước chi phí kiểm toán năm 2017	49.500.000	-
Cộng	<u>6.127.139.645</u>	<u>8.153.271.348</u>

15. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các đối tượng và cá nhân khác	52.231.750.990	73.574.801.152
- Kinh phí công đoàn	-	-
- Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	210.291.400
- Phải trả cổ phần hóa (*)	15.727.237.156	34.784.272.543
- Ủy ban nhân dân Tp Đà Nẵng (**)	32.775.373.075	36.517.032.168
- Tiền cổ tức phải trả	108.730.654	109.186.654
- Phải trả khác	3.620.410.105	1.954.018.387
Cộng	<u>52.231.750.990</u>	<u>73.574.801.152</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Chi tiết công nợ phải trả cổ phần hóa tại ngày 31/12/2017 chờ quyết toán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng thu từ phát hành cổ phiếu	25.880.588.200	25.880.588.200
Lãi tiền gửi tài khoản phong tỏa	330.953.732	278.134.072
Phải trả về số vốn lẻ	837.691	837.691
Chuyển vốn khác của chủ sở hữu của DNNN	13.470.655.903	13.470.655.903
Chuyển Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của DNNN	1.872.477.250	1.872.477.250
Lỗ phát sinh trước cổ phần hóa	(300.775.725)	(300.775.725)
Tiền thu được từ phát hành thêm cổ phiếu	(2.111.896.964)	(2.111.896.964)
Chi trả lao động dôi dư	(3.801.049.657)	(3.801.049.657)
Chi phí cổ phần hóa	(504.698.227)	(504.698.227)
Chi phí công trình Tường rào, mương thoát nước tại bãi rác Khánh Sơn	471.322.960	-
Chuyển tiền phải nộp từ cổ phần hóa	(19.581.178.007)	-
Cộng	15.727.237.156	34.784.272.543

(*) Giá trị của các khoản mục này chưa được quyết toán, đối chiếu với Nhà nước.

(**) Là giá trị còn phải trả Ngân sách Nhà nước theo Công văn 1511/UBND-KTN ngày 26/02/2014 của UBND Thành phố Đà Nẵng về việc tái cơ cấu vốn tại các Công ty TNHH MTV do thành phố quản lý và kinh phí phủ bạt HPDE mái taluy học chôn lấp rác tại bãi rác Khánh Sơn theo Công văn số 8352/UBND-QLĐT ngày 24/10/2015 của Sở Tài chính.

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu kỳ	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.656.869.991)	-	2.402.825.000	(7.059.694.991)
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	-	-	-	-
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	83.943.896	-	149.200.000	(65.256.104)
Cộng	(4.572.926.095)	-	2.552.025.000	(7.124.951.095)

Trong tổng số Quỹ khen thưởng phúc lợi bao gồm khoản chi vượt (âm) quỹ phúc lợi trong giai đoạn trước cổ phần hóa là (4.155.330.823) đồng. Cho đến thời điểm hiện nay, do chưa có nguồn để bù đắp nên Công ty trình bày số âm khoản chi trên tại khoản mục Quỹ khen thưởng, phúc lợi.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**17. Vốn chủ sở hữu****17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số tại 01/01/2016	57.736.000.000	111.896.964	-	-	3.209.541.970	61.057.438.934
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	10.056.170.262	10.056.170.262
Trả cổ tức trong năm	-	-	-	-	(2.320.548.654)	(2.320.548.654)
Chia lợi nhuận cho các bên theo hợp đồng hợp tác đầu tư	-	-	-	-	(80.659.934)	(80.659.934)
Tăng từ lợi nhuận	-	-	309.406.487	154.703.244	-	464.109.731
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(888.993.316)	(888.993.316)
Số dư tại 31/12/2016	57.736.000.000	111.896.964	309.406.487	154.703.244	9.975.510.328	68.287.517.023
Số dư tại 01/01/2017	57.736.000.000	111.896.964	309.406.487	154.703.244	9.975.510.328	68.287.517.023
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	7.359.692.305	7.359.692.305
Trả cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2017	57.736.000.000	111.896.964	309.406.487	154.703.244	17.335.202.633	75.647.209.328

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của UBND Thành phố Đà Nẵng	29.445.360.000	29.445.360.000
Công ty CP Môi trường Việt Nam	7.719.870.000	7.719.870.000
Ông Nguyễn Văn Tuấn	3.914.060.000	3.914.060.000
Bà Nguyễn Lê My Kha	1.911.050.000	1.911.050.000
Các cổ đông cá nhân khác	14.745.660.000	14.745.660.000
Cộng	<u>57.736.000.000</u>	<u>57.736.000.000</u>

17c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	57.736.000.000	57.736.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	57.736.000.000	57.736.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	(2.401.208.588)

17d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.773.600	5.773.600
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.773.600	5.773.600
- Cổ phiếu thường	5.773.600	5.773.600
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.773.600	5.773.600
- Cổ phiếu thường	5.773.600	5.773.600
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	9.975.510.328	3.209.541.970
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp kỳ này	7.359.692.305	10.056.170.262
Phân phối lợi nhuận theo Hợp đồng liên doanh	-	(80.659.934)
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	(3.209.541.970)
- Quỹ đầu tư phát triển	-	(309.406.487)
- Quỹ dự phòng tài chính	-	(154.703.244)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(309.406.487)
- Quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	(115.477.098)
- Chia cổ tức	-	(2.320.548.654)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<u>17.335.202.633</u>	<u>9.975.510.328</u>

18. Nguồn kinh phí

Là nguồn kinh phí được Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp để chi trả cho cán bộ công nhân viên Công ty phục vụ Tết nguyên đán và các chương trình khác trong năm 2014, 2015 và năm 2016, 2017 còn lại, chi tiết cụ thể là:

	<u>2014</u>	<u>2015</u>	<u>2016</u>	<u>2017</u>	<u>Tổng cộng</u>
Tổng nguồn kinh phí được cấp	1.177.600.000	1.293.000.000	1.201.000.000	1.500.100.000	5.171.700.000
Số tiền đã chi	1.156.900.000	1.266.900.000	1.053.900.000	1.312.100.000	4.789.800.000
Số kinh phí còn lại chưa chi	<u>20.700.000</u>	<u>26.100.000</u>	<u>147.100.000</u>	<u>188.000.000</u>	<u>381.900.000</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	212.356.946.515	197.698.532.563
+ Doanh thu hoạt động công ích	76.096.839.014	68.227.213.089
+ Doanh thu theo đơn đặt hàng	96.600.701.819	95.726.279.090
+ Doanh thu hoạt động dịch vụ khác	39.659.405.682	33.745.040.384
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Cộng	<u>212.356.946.515</u>	<u>197.698.532.563</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
	Giá vốn hàng bán, dịch vụ đã cung cấp	193.811.351.445
Cộng	193.811.351.445	176.198.604.586
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	88.860.570	756.974.173
Cộng	88.860.570	756.974.173
4. Chi phí bán hàng		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.127.273	-
Chi phí bằng tiền khác	25.603.728	-
Cộng	33.731.001	-
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	6.004.239.674	6.505.424.980
Chi phí vật liệu quản lý	349.458.128	231.238.558
Chi phí đồ dùng văn phòng	245.893.976	281.568.193
Thuế, phí, lệ phí	448.617.527	464.336.655
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.640.309.881	2.408.994.232
Chi phí bằng tiền khác	893.456.558	1.054.034.192
Cộng	10.581.975.744	10.945.596.810
6. Thu nhập khác		
	Năm nay	Năm trước
Thu bồi thường do phá dỡ trạm chợ Hòa Khánh	387.455.870	-
Thu nhập từ quà tặng từ tổ chức Koica	214.183.125	-
Xử lý công nợ	139.091	-
Thu nhập khác	11.818.181	36.620.905
Cộng	613.596.267	36.620.905

11/03
KIỂM
C)
HÀIC

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí tháo dỡ TSCĐ	228.799.416	-
Phạt thuế, phạt chậm nộp Bảo hiểm	56.193.583	21.488.601
Xử lý chi phí tháo dỡ Nhà vệ sinh các năm trước	38.941.818	-
Chi phí hao hụt xăng dầu chạy xe các năm trước	13.627.027	-
Các khoản chi phí khác	4.800.000	-
Cộng	<u>342.361.844</u>	<u>21.488.601</u>

8. Lãi trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.359.692.305	10.056.170.262
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	(80.659.934)
+ Phân chia lợi nhuận liên doanh	-	(80.659.934)
+ Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	7.359.692.305	9.975.510.328
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	5.773.600	5.773.600
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu)	<u>1.275</u>	<u>1.728</u>

Cho đến thời điểm hiện nay, Công ty chưa có quy định về tỷ lệ trích cụ thể của các Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành. Do vậy, khoản lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông dùng để xác định lãi cơ bản trên cổ phiếu trên báo cáo tài chính này chưa trừ các Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành. Chỉ tiêu này sẽ có sự thay đổi khi có Quyết định chính thức về việc phân phối lợi nhuận năm 2017.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	5.773.600	5.773.600
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	<u>5.773.600</u>	<u>5.773.600</u>

11/2/2018 11/2/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.359.692.305	9.975.510.328
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận		
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	7.359.692.305	9.975.510.328
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.773.600	5.773.600
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	1.275	1.728

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	37.183.014.709	28.676.871.602
Chi phí nhân công	119.086.399.976	112.544.059.260
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.249.081.652	10.385.775.928
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.441.897.724	28.750.965.254
Chi phí khác bằng tiền	7.365.857.913	6.156.760.080
Cộng	203.326.251.974	186.514.432.124

VII. Điều chỉnh hồi tố

Căn cứ Thông báo số 512/TB-KTNN KV III ngày 12/12/2017 của Kiểm toán Nhà nước Khu vực III “Thông báo kết quả kiểm toán tại Công ty Cổ phần Môi Trường Đô thị Đà Nẵng” và Thông báo số 81/TB-VP của Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng ngày 14 tháng 05 năm 2018, Công ty đã điều chỉnh hồi tố số liệu của năm 2016. Điều chỉnh hồi tố ảnh hưởng đến số liệu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán và số liệu năm trước trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 như sau:

STT	Bảng cân đối kế toán	Số đầu năm (trình bày lại)	Số đầu năm (Báo cáo tài chính năm 2016)	Chênh lệch
	Tài sản			1.824.463.544
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	22.528.866.663	24.605.160.663	(2.076.294.000)
2	Phải thu ngắn hạn khác	9.499.265.009	5.598.507.465	3.900.757.544
	Nguồn vốn			1.824.463.544
1	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.000.421.699	2.891.915.382	108.506.317
2	Chi phí phải trả ngắn hạn	8.153.271.348	7.912.128.948	241.142.400
3	LNST chưa phân phối kỳ này	9.975.510.328	8.500.695.501	1.474.814.827
STT	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Năm trước (trình bày lại)	Năm trước (Báo cáo tài chính năm 2016)	Chênh lệch
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	197.698.532.563	199.586.072.563	(1.887.540.000)
2	Giá vốn hàng bán	176.198.604.586	179.754.886.837	(3.556.282.251)
3	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.270.267.382	1.076.339.958	193.927.424
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.728	1.472	256
5	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.728	1.472	256

III
 G
 Á
 Á
 Á
 Á
 U-
 III
 28

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1. Các điều chỉnh theo Thông báo số 512/TB-KTNN KV III ngày 12/12/2017 của Kiểm toán Nhà nước Khu vực III “Thông báo kết quả kiểm toán tại Công ty Cổ phần Môi Trường Đô thị Đà Nẵng”, cụ thể:

- (1) Điều chỉnh giảm doanh thu đặt hàng công tác quét gom rác đường Hoàng Sa số tiền: 335.834.545 đồng, giảm thuế GTGT đầu ra phải nộp số tiền: 33.583.455 đồng do tính theo định mức ca đêm
- (2) Điều chỉnh giảm doanh thu đặt hàng vệ sinh quét rác tại các tuyến đường số tiền: 1.086.530.909 đồng và giảm thuế GTGT đầu ra phải nộp số tiền: 108.653.091 đồng do thanh toán thừa khối lượng
- (3) Điều chỉnh giảm doanh thu vệ sinh làm sạch, sàng cát biển bằng máy số tiền: 59.427.273 đồng và giảm thuế GTGT đầu ra phải nộp số tiền: 5.942.727 đồng do nghiệm thu thừa khối lượng
- (4) Điều chỉnh giảm doanh thu hạng mục vệ sinh nghĩa trang Hòa Sơn; hạng mục tưới nước rửa đường số tiền: 656.937.273 đồng và giảm thuế GTGT đầu ra phải nộp số tiền: 65.693.727 đồng do nghiệm thu thanh toán thừa so với khối lượng thực tế thực hiện
- (5) Điều chỉnh tăng doanh thu giá trị thi công xây dựng và lắp đặt công nghệ xử lý nước thải với Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Silver Shores số tiền: 251.190.000 đồng và tăng thuế GTGT đầu ra phải nộp số tiền: 25.119.000 đồng
- (6) Điều chỉnh thuế suất thuế TNDN đối với hoạt động khác: cho thuê mặt bằng, kinh doanh thùng rác từ thuế suất 10% lên 20%.

2. Các điều chỉnh theo Thông báo số 81/TB-VP của Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng ngày 14 tháng 05 năm 2018:

- ✓ Điều chỉnh giảm chi phí tương ứng với doanh thu điều chỉnh theo Kết luận của Kiểm toán Nhà nước, cụ thể:
 - (1) Doanh thu đặt hàng công tác quét gom rác đường Hoàng Sa điều chỉnh số tiền: 335.834.545 đồng do tính theo định mức ca đêm thay vì ca ngày dẫn đến chi phí điều chỉnh giảm số tiền: 315.275.752 đồng (trong đó chi phí trực tiếp là 298.484.025 đồng và chi phí chung là 16.791.727 đồng)
 - (2) Doanh thu đặt hàng vệ sinh quét rác tại các tuyến đường điều chỉnh giảm số tiền: 1.086.530.909 đồng do thanh toán thừa khối lượng dẫn đến chi phí điều chỉnh giảm số tiền: 1.039.742.497 đồng (trong đó chi phí trực tiếp là 379.997.764 đồng và chi phí chung là 659.744.733 đồng)
- ✓ Điều chỉnh giảm chi phí dịch vụ thanh toán cho các xí nghiệp do có sự chênh lệch giữa khối lượng xác nhận tại bãi và khối lượng qua cân số tiền: 2.442.406.402 đồng và giảm thuế GTGT đầu vào được khấu trừ tương ứng số tiền: 103.332.893 đồng.

Việc điều chỉnh này làm cho số liệu đầu năm trên BCĐKT và số năm trước có ảnh hưởng như sau:

STT Bảng Cân đối kế toán	Số đầu năm (trình bày lại theo TB của UBND TP. Đà Nẵng)	Số đầu năm (đã điều chỉnh hồi tố theo BCTC ngày 17/3/2018)	Chênh lệch
Tài sản			2.986.706.415
1 Phải thu ngắn hạn khác	9.499.265.009	6.512.558.594	2.986.706.415
Nguồn vốn			2.986.706.415
1 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.000.421.699	2.681.849.673	318.572.026
2 LNST chưa phân phối kỳ này	9.975.510.328	7.307.375.939	2.668.134.389
STT Báo cáo kết quả kinh doanh	Năm trước (trình bày lại theo TB của UBND TP. Đà Nẵng)	Năm trước (đã điều chỉnh hồi tố theo BCTC ngày 17/3/2018)	Chênh lệch
1 Giá vốn hàng bán	176.198.604.586	179.081.978.108	-2.883.373.522
2 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.270.267.382	1.055.028.249	215.239.133
3 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.728	1.266	462
4 Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.728	1.266	462

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (đơn vị tính: VNĐ)

Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Trong tổng số tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ tại ngày 31/12/2017, khoản tiền hiện có của tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Liên doanh Việt Nga – CN Đà Nẵng với giá trị là 2.449.706.342 đồng là tài khoản phong tỏa phục vụ cho việc thu tiền từ cổ phần hóa, Công ty không được sử dụng khoản tiền này.

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các cam kết

Theo Hợp đồng liên doanh số 35/10/KH/HĐKT ký ngày 18/03/2009, Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng (nay là Công ty CP Môi trường Đô thị Đà Nẵng) và Công ty CP Môi trường Toàn Cầu Xanh liên doanh trong việc xử lý chất thải nguy hại tại bãi rác Khánh Sơn, khối Khánh Sơn, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh, hai bên góp vốn bằng tài sản và giao cho Xí nghiệp xử lý chất thải nguy hại – dịch vụ môi trường (trực thuộc Công ty CP Môi trường Đô thị Đà Nẵng) trực tiếp tổ chức kinh doanh. Thu nhập từ liên doanh được chia cho các bên theo tỷ lệ % doanh thu thực hiện, cụ thể:

- ✓ Tỷ lệ vốn góp: Công ty CP Môi trường Đô thị Đà Nẵng 55,3%, Công ty CP Môi trường Toàn Cầu Xanh 44,7%
- ✓ Trích chi phí quản lý: 4% doanh thu (chia cho Công ty CP Môi trường Đô thị Đà Nẵng 2,5% và Công ty CP Môi trường Toàn Cầu Xanh 1,5%).
- ✓ Trích chi phí khấu hao tài sản: 6,5% doanh thu (chia cho các bên theo tỷ lệ góp vốn).
- ✓ Trích lợi nhuận định mức: 4,5% doanh thu (chia cho các bên theo tỷ lệ góp vốn).

Hội đồng quản trị đã thống nhất thời gian chấm dứt hợp đồng liên doanh từ ngày 31/03/2016.

Cho đến tại thời điểm hiện nay, giữa Công ty và Công ty CP Môi trường Toàn Cầu Xanh vẫn đang trong quá trình thương thảo và vẫn chưa thống nhất về giá cả nên chưa thể xử lý dứt điểm hợp đồng liên doanh này.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hội đồng quản trị	411.997.200	578.905.360
Tiền lương	315.997.200	324.000.000
Thù lao	96.000.000	96.000.000
Cổ tức	-	158.905.360
Ban Tổng Giám đốc	1.228.878.000	1.228.118.000
Tiền lương	1.228.878.000	1.222.000.000
Cổ tức	-	6.118.000
Ban kiểm soát	358.910.073	373.406.000
Tiền lương	262.910.073	276.000.000
Thù lao	96.000.000	96.000.000
Cổ tức	-	1.406.000
Cộng	<u>1.999.785.273</u>	<u>2.180.429.360</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

471 Núi Thành, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Báo cáo bộ phận

- Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là kinh doanh dịch vụ phục vụ công cộng về vệ sinh, thoát nước đường phố và khu dân cư.

- Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty đều được thực hiện tại thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

4. Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng. Một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh đã được điều chỉnh lại theo thuyết minh tại mục VII. Điều chỉnh hồi tố

5. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 14/05/2018, Công ty nhận được Thông báo số 81/TB-VP của Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng về Kết luận của Phó Chủ tịch UBND Thành Phố Trần Văn Miên tại cuộc họp về ý kiến đối với các nội dung hợp Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng. Theo đó Công ty phải điều chỉnh hồi tố số liệu so sánh (số liệu năm 2016) cụ thể: điều chỉnh giảm doanh thu theo Kết luận của Kiểm toán Nhà nước và giảm chi phí tương ứng; đồng thời giảm chi phí dịch vụ thanh toán cho các xí nghiệp theo kết quả kiểm tra của Ban Kiểm soát Công ty.

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 5 năm 2018

HUỲNH DUY HẢI
Người lập biểu

ĐỖ VĂN TÀI
Kế toán trưởng



ĐẶNG ĐỨC VŨ
Tổng Giám đốc

